

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2020/HNGĐ-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc Q – Sinh năm: 1979.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Lê Ngọc Q.

2. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q đều có ý kiến chung thống nhất. Anh chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc và có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Yên Lễ (Nay là thị trấn Y), huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 06 năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cả chị T và anh Q đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Lê Nhật A; Sinh ngày: 16/9/2007; Giới tính: Nam. Cháu thứ hai tên là: Lê Thị Diệu A1; Sinh ngày: 11/01/2016; Giới tính: Nữ. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng vợ chồng anh chị tại Khu phố 2, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cháu Lê Nhật A có ý kiến được ở với mẹ cháu (Chị Nguyễn Thị T). Chị T và anh Q đều có ý kiến chung, thống nhất giao cả hai cháu Nhật A và Diệu A1 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu và anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 06/2020 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này, anh Q có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc Q có ý kiến chung và cùng thống nhất: chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai T tiền số AA/2017/0003446, ngày 21 tháng 02 năm 2020. Vì vậy, chị T được nhận lại số tiền 150.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh Q phải chịu 150.000đ tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn